

Bản án số: 281/2020/HS-PT
Ngày 28-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 357/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L, Phùng Thị L bị xét xử về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng Diễm C kháng cáo trong vụ án Quách Vân L2 phạm tội “Tham ô tài sản” đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 174/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Trần Ngọc T; giới tính: nam; sinh ngày 22/12/1970; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 854 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh – kiêm Trưởng Ban giảm nghèo, tặng hộ khá; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Cước, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Sáu, sinh năm 1947; vợ: Phạm Thị Út, sinh năm 1972; con: có 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/01/2019.

- Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

2/ Nguyễn Thị Thanh L; giới tính: nữ; sinh ngày 28/4/1983; tại: Long An; nơi đăng ký HKTT: 76/22A11 Bà Hom, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 80/1 T Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh – kiêm Trưởng Ban giảm nghèo, tăng hộ khá; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Thanh Cần, sinh năm 1951; và bà Ngô Thị Kim Chi, sinh năm 1957; chồng: Võ Thành Nhân, sinh năm 1982; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/01/2019.

- Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

3/ Phùng Thị L1; giới tính: nữ; sinh ngày 27/3/1964; nơi đăng ký HKTT: 240/112/2 Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 63/23D Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thủ quỹ Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phùng Văn Soay, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị Lợi, sinh năm 1932; chồng: Bùi Trình Trai, sinh năm 1963; con: có 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/01/2019.

- Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị cáo không kháng cáo: Quách Vân L2, sinh ngày 09/3/1962 tại: tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: 487B Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ chuyên trách giảm nghèo, tăng hộ khá Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Hồng Diễm C, sinh năm 1975. Địa chỉ: 173/25/12 An Dương Vương, phường Bình Trị Đông, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C: Luật sư Dương Thành Công, Công ty Luật TNHH H&C, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 133 Trần Hưng Đạo, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người làm chứng:

Bà Đỗ Thị Liên H, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 147, Đường Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bà Phạm Thị Mai H1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 147, Đường Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ông Trần Minh H2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 161/1/60, Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ông Quách Đức T1, sinh năm 1968 (có mặt) và ông Quách Đức Phong, sinh năm 1979 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: Số 45/10/22 Phạm Phú Thứ, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đoàn Thị T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Địa chỉ: Số 161/1/60, Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quỹ xóa đói giảm nghèo (sau đây viết tắt là Quỹ XĐGN) là nguồn ngân sách của Thành phố và quận - huyện. Quỹ XĐGN ở các cấp được lập ra nhằm mục đích trợ vốn cho những hộ dân nghèo thuộc đối tượng chương trình XĐGN của Thành phố vay vốn để sản xuất, kinh doanh và hoạt động dịch vụ giải quyết cuộc sống hoặc học nghề để có việc làm... tạo điều kiện thiết thực để thực hiện hoàn thành mục tiêu giảm nghèo, không để tái nghèo, nâng dần mức sống hộ nghèo Thành phố... Không được sử dụng Quỹ XĐGN vào mục đích khác.

Năm 2000, Quách Văn L2 được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tuyển dụng, phân công làm cán bộ không chuyên trách XĐGN của Phường 11, Quận 6. Đến ngày 10/01/2007, Quách Văn L2 được Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 tuyển dụng làm cán bộ không chuyên trách công tác XĐGN. Từ năm 2012 đến nay, Quách Văn L2 là cán bộ chuyên trách giảm nghèo, tăng hộ khá và được Chủ tịch UBND Phường 11, Quận 6 bổ nhiệm làm Thành viên kiêm Kế toán Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 thuộc Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6.

Quách Văn L2 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 phân công nhiệm vụ tại các “Thông báo phân công nhiệm vụ”, cụ thể: Tham mưu cho đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách khối Văn hóa - Xã hội về công tác XĐGN, giải quyết việc làm; quản lý các sổ sách XĐGN; phát vay và thu hồi các nguồn vốn vay trong các chương trình XĐGN.

Từ ngày 14/6/2004 đến ngày 13/4/2014, Trần Ngọc T là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 - kiêm Trưởng Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11. Từ ngày 14/4/2014 đến tháng 3/2016, Nguyễn Thị Thanh L là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 - kiêm Trưởng Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11. Phùng Thị L1 là công chức văn hóa - xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và xã hội, kiêm Thủ quỹ Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11; đến ngày 03/3/2014, được bổ nhiệm làm Phó Ban, kiêm Thủ quỹ.

Quy trình và thủ tục cho hộ nghèo vay Quỹ XĐGN được thực hiện theo Hướng dẫn số 04/HD-XĐGNVL ngày 02/8/2007 của Ban chỉ đạo XĐGN và Việc làm Thành phố Hồ Chí Minh, quy định:

Hộ nghèo làm Đơn đề nghị vay vốn gửi Tổ tự quản giảm nghèo. Tổ trưởng nhận đơn đưa ra cuộc họp tổ định kỳ xem xét về cách sản xuất làm ăn, mức vốn, thời gian vay và khả năng thực hiện của hộ (hoặc trực tiếp trao đổi với một số thành viên khác khi hộ vay có nhu cầu đột xuất).

Tổ trưởng lập danh sách đề nghị vay gửi cho Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường (thông qua cán bộ chuyên trách XĐGN phường theo dõi, tiếp nhận thẩm định và đề xuất). Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường xét duyệt và lập thủ tục qua ngân hàng để nhận tiền. Đối với trường hợp hộ vay từ 10 triệu đồng trở xuống/01 lần vay do Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường chịu trách nhiệm xét duyệt cho vay ngay. Đối với các trường hợp hộ vay trên 10 triệu đồng/01 lần vay do Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường xét duyệt đồng ý và lập Danh sách đề nghị Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận phê duyệt để Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường lập thủ tục qua ngân hàng nhận tiền. Thủ quỹ Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường rút tiền ngân hàng về nhập vào quỹ tại Ủy ban nhân dân phường và thông báo cho Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo biết để mời hộ thành viên vay đến nhận vốn theo thời gian và địa điểm thỏa thuận.

Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường giải ngân trực tiếp cho từng hộ vay vốn (mời Tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo dự và theo dõi). Hộ nghèo được xét gia hạn 01 lần khi đến thời hạn thu hồi vốn mà không trả nợ vay được. Hộ nghèo phải làm Đơn đề nghị gia hạn nợ gửi cho Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo để đề xuất Ban giảm nghèo, tăng hộ khá phường xét duyệt; hoặc đề nghị Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận xét duyệt theo quyền hạn được quy định.

Tại Điều 9 Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ XĐGN Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 140/2006/QĐ-UBND ngày 22/9/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định việc kiểm tra hiệu quả sử dụng vốn vay như sau:

Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm phường, xã chịu trách nhiệm:

- Phân công cán bộ kế toán Quỹ XĐGN hoặc cán bộ chuyên trách Xóa đói giảm nghèo phường, xã theo dõi kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và việc trả nợ, trả lãi của người vay theo đúng kỳ hạn quy định trong đơn vay hoặc hợp đồng vay.

- 06 tháng một lần, Thường trực Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm phường, xã cùng cán bộ kế toán Quỹ XĐGN (hoặc cán bộ chuyên trách) và Tổ trưởng các Tổ tự quản, Tổ vượt nghèo, Tổ hợp tác đi trực tiếp đối chiếu xác nhận dư nợ (vốn và lãi) của từng hộ vay vốn và các hợp đồng vay của chủ dự án.

Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm quận, huyện chịu trách nhiệm:

- Định kỳ tổ chức kiểm tra việc giải ngân của Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm phường, xã cho hộ nghèo, chủ dự án và các đơn vị có nhận ủy thác vốn theo mục đích sử dụng vốn được duyệt. Nếu sử dụng sai mục đích thì có biện pháp thu hồi hoặc đề xuất xử lý ngay các vi phạm.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra việc kết toán Quỹ XĐGN xác nhận số dư nợ trong dân của từng phường, xã và đơn vị nhận ủy thác vốn để báo cáo với ngành Tài chính và Ban Chỉ đạo XĐGN và Việc làm Thành phố.

Ngày 11/11/2015, thực hiện Kế hoạch kiểm tra số 301/KH-UBND ngày 25/9/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc: Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn Quỹ XĐGN trên địa bàn Quận 6, Ủy ban nhân dân Phường 11 phối hợp cùng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 6 tiến hành kiểm tra thực tế 18 hộ vay vốn có dư nợ quá hạn do Quách Văn L2 quản lý. Qua kiểm tra xác định: 02 hộ đã trả vốn lại cho Quỹ XĐGN Quận nhưng trên hồ sơ quản lý vẫn ghi nhận gia hạn vay với số tiền 50.000.000 đồng; 16 hộ thực tế không làm hồ sơ vay vốn nhưng theo hồ sơ quản lý thì có vay và đang quá hạn với số tiền vốn là 418.166.000 đồng.

Ngày 18/11/2015, Quách Văn L2 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 đầu thú về hành vi sai phạm của mình.

Tại Cơ quan điều tra, Quách Văn L2 khai nhận: Do làm chuyên trách giảm hộ nghèo, tăng hộ khá và là thành viên, kiêm Kế toán Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11, Quận 6 từ nhiều năm nên Quách Văn L2 có thông tin những người dân từ danh sách quản lý hộ nghèo trong phường. Lợi dụng việc này, Quách Văn L2 đã lập nhiều hồ sơ không đứng tên các hộ dân do mình quản lý bằng cách: tự viết Đơn xin vay vốn Quỹ XĐGN, ký giả chữ ký của người đứng tên vay và giả chữ ký của người thừa kế trong đơn, lập danh sách đề

ngiht xét duyệt cho vay rồi đưa xuống các Tổ tự quản giảm nghèo đề nghị xét duyệt cho vay; nhưng thực tế các Tổ tự quản giảm nghèo không tổ chức họp, Quách Vân L2 chỉ yêu cầu các Tổ trưởng Tổ tự quản ký đề nghị, vì tin tưởng Quách Vân L2 nên các Tổ trưởng Tổ tự quản ký. Sau đó, Quách Vân L2 tự lập biên bản họp xét duyệt đưa cho Trưởng Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 (là Trần Ngọc T và từ ngày 14/4/2014 là Nguyễn Thị Thanh L) ký duyệt rồi trình Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6 thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 6 thẩm định, phê duyệt. Khi được phê duyệt, Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6 sẽ có thông báo và chuyển tiền vào tài khoản Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 tại Ngân hàng VietinBank Chi nhánh 6. Quách Vân L2 viết SÉC rút tiền, trình Trưởng Ban ký tên đóng dấu, rồi đi cùng Phùng Thị L1 là thủ quỹ Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 đến Ngân hàng để Phùng Thị L1 rút tiền. Sau khi rút được tiền, Phùng Thị L1 không trực tiếp giao tiền cho hộ vay mà đưa hết số tiền rút được cho Quách Vân L2 để L2 phát vay mà không lập chứng từ, biên bản giao nhận. Sau khi nhận tiền để phát vay từ Phùng Thị L1, Quách Vân L2 lập phiếu chi trên phần mềm quản lý nhưng không phát vay cho hộ dân mà chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân. Để tránh bị kiểm tra, phát hiện, Quách Vân L2 đã nộp lãi đầy đủ các khoản vay, có trường hợp trả một phần nợ gốc để giống như có hộ nghèo vay vốn thật.

Ngoài ra, đối với hồ sơ vay vốn thật, Quách Vân L2 thực hiện theo đúng trình tự vay vốn Quỹ XĐGN. Khi hồ sơ được duyệt, Quách Vân L2 làm phiếu chi rồi phát vay cho người vay. Quách Vân L2 lập sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi của từng người vay, để người vay ký nhận tiền. Hằng tháng, người vay trả lãi, trả gốc thì nộp cho L2, được L2 ký nhận tiền trên sổ theo dõi này cho người vay. Tuy nhiên, khi người vay nộp tiền tất toán khoản vay thì Quách Vân L2 không nộp vào tài khoản Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6 mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Để không bị kiểm tra, phát hiện việc làm khống hồ sơ vay, cũng như việc chiếm đoạt tiền tất toán khoản vay, Quách Vân L2 tự làm Đơn xin gia hạn nợ, giả chữ ký của người vay, rồi đưa các Tổ trưởng Tổ tự quản ký; trong đó, Quách Vân L2 ký đồng ý gia hạn tại phần thẩm định của Cán bộ chuyên trách giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11, trình Trưởng Ban ký duyệt rồi chuyển cho Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6 thẩm định trên hồ sơ, xét duyệt. Cũng có trường hợp, Quách Vân L2 không phát vay cho người vay, rồi chiếm đoạt.

Bằng thủ đoạn nêu trên, trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 từ năm 2008 đến nay, Quách Văn L2 thừa nhận đã lập 263 hồ sơ khống vay vốn (trong tổng số 281 hồ sơ vay vốn còn dư nợ tại Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11, Quận 6) để chiếm đoạt tiền Quỹ XĐGN với số tiền 7.329.976.000 đồng.

Ngoài ra, căn cứ kết luận giám định chữ ký, chữ viết trên các đơn xin vay vốn, đơn xin gia hạn nợ xác định Quách Văn L2 còn lập 03 hồ sơ khống đứng tên Nguyễn Thị Ngọc Trinh để vay 18.333.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc Nga vay 27.500.000 đồng, Nguyễn Thị Nhạn vay 10.000.000 đồng và nhận số tiền 5.000.000 đồng của Lê Thị Thu Thảo nhưng không nộp vào Quỹ XĐGN, chiếm đoạt tổng cộng 60.833.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng Quách Văn L2 đã chiếm đoạt 7.390.809.000 đồng (7.329.976.000 đồng + 60.833.000 đồng) của 267 hồ sơ vay vốn Quỹ XĐGN.

Quách Văn L2 thừa nhận các hành vi sai phạm trên do một mình Quách Văn L2 thực hiện, không có ai hỗ trợ giúp sức. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, Quách Văn L2 đã sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ vay cho bà Hồng Diễm Kiều là Phó Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 6, kiêm Phó Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6. Hiện tại số tiền Quách Văn L2 còn nợ bà Hồng Diễm Kiều là 3.000.000.000 đồng tiền gốc.

Hồng Diễm Kiều - nguyên Phó Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 6 khai: Hồng Diễm Kiều và Quách Văn L2 quen biết, chơi chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay. Năm 2010, Quách Văn L2 có hỏi vay tiền Hồng Diễm Kiều, vì tin tưởng nên Kiều giới thiệu Quách Văn L2 đến gặp chị gái là Hồng Diễm C để vay tiền. Hồng Diễm C cho Quách Văn L2 vay tổng cộng 3.000.000.000 đồng. Do Quách Văn L2 trả không đúng hạn nên Hồng Diễm C gây áp lực, yêu cầu Hồng Diễm Kiều phải có trách nhiệm đòi tiền Quách Văn L2 trả cho C. Hồng Diễm K nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin yêu cầu Quách Văn L2 trả nợ, khi L2 thông báo có tiền thì Kiều gọi điện báo cho C để C cho người nhà đến gặp L2 nhận tiền. Hồng Diễm K không biết số tiền mà L2 dùng trả nợ cho C do đâu mà có.

Hồng Diễm C khai: Thông qua Hồng Diễm K, C quen biết Quách Văn L2. Năm 2010, Quách Văn L2 có đi cùng Kiều đến gặp C để hỏi vay tiền. Do Kiều có nói giúp nên C tin tưởng Quách Văn L2, cho L2 vay tổng cộng 2.500.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, có viết giấy biên nhận nhưng C đã làm mất. Từ năm 2010 đến tháng 12/2012, Quách Văn L2 trả lãi không đúng hạn. Đến tháng 12/2012, C và L2 đã thống nhất số tiền lãi mà L2 còn thiếu sẽ cộng

vào số tiền gốc và L2 đồng ý xác nhận nợ C số tiền 3.000.000.000 đồng. Từ tháng 01/2013 đến tháng 9/2015, thông qua K, L2 đã trả được cho C tổng cộng 428.000.000 đồng. C tự nguyện trừ số tiền mà L2 đã trả này vào nợ gốc, L2 còn nợ C số tiền 2.572.000.000 đồng.

Hồng Diễm C không biết số tiền mà L2 dùng trả nợ cho C do đâu mà có. Cơ quan điều tra đã thông báo cho C biết số tiền mà Quách Văn L2 trả nợ cho C là số tiền L2 đã chiếm đoạt từ Quỹ XĐGN và yêu cầu Hồng Diễm C nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra để thu hồi tài sản cho Nhà nước nhưng Hồng Diễm C không đồng ý.

Như vậy, việc Quách Văn L2 thực hiện lập hồ sơ không vay vốn, chiếm đoạt tiền Quỹ XĐGN diễn ra trong thời gian dài mà không bị phát hiện do việc thiếu trách nhiệm của các cá nhân sau:

Trần Ngọc T - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh kiêm Trưởng Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 khai: Do bận nhiều công việc nên Trần Ngọc T tin tưởng, phân công Quách Văn L2 tổ chức họp xét duyệt cho vay, hồ sơ thông qua các Thành viên Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11, sau đó lập biên bản họp trình Trần Ngọc T ký duyệt hồ sơ. Bản thân không tổ chức và không tham dự họp xét duyệt, chỉ ký duyệt trên hồ sơ đã đầy đủ thành phần theo quy định để chuyển lên Ban chỉ đạo XĐGN Quận 6 để thẩm định, xét duyệt cho vay. Theo quy định định kỳ 6 tháng, Thường trực Ban Xóa đói giảm nghèo phường cùng cán bộ kế toán Quỹ XĐGN (hoặc cán bộ chuyên trách) và Tổ trưởng các Tổ tự quản, đi trực tiếp đối chiếu xác nhận dư nợ của từng hộ vay vốn nhưng Trần Ngọc T không tham gia đi kiểm tra thực tế mà giao việc kiểm tra này cho Quách Văn L2 tổ chức kiểm tra, hoàn tất sổ sách và Trần Ngọc T ký. Trần Ngọc T đã ký duyệt tổng cộng 107 hồ sơ vay vốn Quỹ XĐGN, với tổng số tiền giải ngân là 3.049.000.000 đồng, tạo điều kiện để Quách Văn L2 chiếm đoạt số tiền 2.890.638.000 đồng.

Nguyễn Thị Thanh L - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, kiêm Trưởng Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 từ ngày 14/4/2014 khai: Do phụ trách rất nhiều công việc, đồng thời lĩnh vực này quá mới nên Nguyễn Thị Thanh L không nắm hết các quy định, mọi việc tin tưởng vào Quách Văn L2 là người công tác lâu năm nên phân công và tin tưởng ký vào các hồ sơ vay vốn Quỹ XĐGN mà không tổ chức và không tham dự họp xét duyệt, chỉ ký duyệt trên hồ sơ đã đầy đủ thành phần theo quy định để chuyển lên Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6 thẩm định, xét duyệt cho vay. Định kỳ 6 tháng, Nguyễn Thị Thanh L cũng không tham gia trực tiếp kiểm tra,

đôi chiều xác nhận dư nợ của cá hộ vay mà tin tưởng giao cho Quách Văn L2 tổ chức đi xác nhận và đem kết quả cho Nguyễn Thị Thanh L ký. Nguyễn Thị Thanh L đã ký duyệt tổng cộng 160 hồ sơ vay vốn Quỹ XDGN, với tổng số tiền giải ngân là 4.640.000.000 đồng, tạo điều kiện để Quách Văn L2 chiếm đoạt số tiền 4.500.171.000 đồng

Phùng Thị L1 - Thủ quỹ Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11, khai: Sau khi hồ sơ vay vốn được phê duyệt, Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá Quận 6 sẽ chuyển tiền vào tài khoản Ban giảm nghèo, tăng hộ khá Phường 11 tại Ngân hàng VietinBank Chi nhánh 6. Quách Văn L2 viết séc rút tiền, trình Trưởng Ban ký tên đóng dấu, rồi đi cùng Phùng Thị L1 đến Ngân hàng VietinBank - Chi nhánh 6 để Phùng Thị L1 rút tiền và ký nhận trên tiền séc. Sau khi rút được tiền, Phùng Thị L1 đưa hết số tiền rút được cho Quách Văn L2 để L2 tự phát vay. Phùng Thị L1 không trực tiếp phát vay, không kiểm tra phát vay, để Quách Văn L2 tự ghi chép sổ Quỹ tiền mặt thay cho mình, sau đó Phùng Thị L1 sẽ ký tên vào mục Thủ quỹ. Các Phiếu chi tiền phát vay cho các hộ dân được Quách Văn L2 lập phiếu chi trên phần mềm quản lý, in ra nhưng không đưa cho Phùng Thị L1 ký trên các Phiếu chi này, tạo điều kiện để Quách Văn L2 chiếm đoạt tổng cộng số tiền 7.390.809.000 đồng

Sau khi sự việc bị phát hiện, Quách Văn L2 đã nộp cho Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 số tiền 440.556.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả.

Tại bản Cáo trạng số 110/CT-VKS-P3 ngày 13/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố: bị cáo Quách Văn L2 về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L và Phùng Thị L1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 174/2019/HS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Quách Văn L2 phạm tội “Tham ô tài sản”; các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L và Phùng Thị L1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1/Căn cứ vào điểm a Khoản 4 Điều 353; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt: Bị cáo Quách Văn L2 20 năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 04/4/2017.

2/Căn cứ vào Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo Trần Ngọc T chấp hành án.

3/Căn cứ vào Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm n, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L chấp hành án.

4/Căn cứ vào Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị L1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo Phùng Thị L1 chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L, Phùng Thị L1 kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay 03 bị cáo T, L, L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hồng Diễm C (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) kháng cáo không đồng ý nộp lại số tiền 478.000.000 đồng mà án sơ thẩm buộc bà phải nộp để trả lại cho Ban giảm nghèo - tăng hộ khá Quận 6, bà cho rằng tiền mà bị cáo L2 trả như trên là tiền của cá nhân và gia đình bị cáo L2 trả chứ không phải tiền bị cáo tham ô để trả cho bà. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay, bà Hồng Diễm C vẫn giữ theo yêu cầu kháng cáo như trên.

Tại Tòa án Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị phúc xử không chấp nhận kháng cáo của 03 bị cáo T, L, L1; cũng như không chấp nhận kháng cáo của bà Hồng Diễm C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồng Diễm C cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng. Tại cơ quan điều tra khi xác minh không nói cho bà C biết số tiền 478.000.000 đồng bị cáo L2 trả là tiền bị cáo L2 tham ô. Đến khi kết luận điều tra, cáo trạng truy tố mới nêu.

Theo lời khai bị cáo Quách Văn L2 khai mâu thuẫn, có lúc khai lấy tiền của anh em trong gia đình trả, có lúc khai lấy tiền tham ô trả. Bị cáo vay trả rồi vay lại nên không thể buộc bà C nộp lại số tiền trên để trả cho Ban giảm nghèo - tăng hộ khá Quận 6, nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồng Diễm C đề nghị sửa án sơ thẩm, không buộc bà C nộp lại số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của 03 bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L, Phùng Thị L1, cũng như đơn kháng cáo của bà Hồng Diễm C kháng cáo trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Quỹ xóa đói giảm nghèo (gọi tắt là Quỹ XDGN) là nguồn ngân sách của thành phố và Quận, Huyện. Quỹ XDGN ở các cấp được lập ra nhằm mục đích trợ vốn cho những hộ dân nghèo thuộc đối tượng chương trình xóa đói giảm nghèo của thành phố, cho vay vốn để sản xuất kinh doanh, hoạt động dịch vụ, giải quyết cuộc sống hoặc học nghề, tạo điều kiện thiết thực để hoàn thành mục tiêu giảm nghèo, không để tái nghèo, nâng dần mức mức sống, hộ nghèo của thành phố, không được sử dụng Quỹ XDGN vào mục đích khác.

Ngày 10/01/2007, Quách Văn L2 được UBND Phường 11, Quận 6 tuyển dụng làm cán bộ không chuyên trách xóa đói giảm nghèo. Từ năm 2012 thì được phân công làm cán bộ chuyên trách giảm nghèo - tăng hộ khá và được Chủ tịch UBND Phường 11, Quận 6 bổ nhiệm làm thành viên kiêm kế toán Ban giảm nghèo, tăng hộ khá của Phường 11. Nhiệm vụ được phân công là: Tham mưu cho Phó chủ tịch phụ trách Khối Văn hóa – Xã hội về công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, quản lý sổ sách xóa đói giảm nghèo, phát vay và thu hồi các nguồn vốn vay trong các chương trình xóa đói giảm nghèo. Lợi dụng trách nhiệm được giao, từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2015, Quách Văn L2 dùng thủ đoạn gian dối lập 267 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tiền của Ban giảm nghèo - tăng hộ khá Phường 11, Quận 6 với số tiền là 7.390.809.000 đồng, đến khi xét xử sơ thẩm bị cáo và gia đình bị cáo đã khắc phục được 1.440.556.000 đồng, số còn lại 5.950.253.000 đồng chưa nộp, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Quách Văn L2 20 năm tù về tội tham ô tài sản theo điểm a, khoản 4, Điều 353

Bộ luật Hình sự. Phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Đối với 03 bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L và Phùng Thị L1 thì thấy:

Trần Ngọc T từ tháng 10/2012 đến ngày 13/4/2014, bị cáo là Phó chủ tịch UBND Phường 11, Quận 6, là Trưởng ban giảm nghèo - tăng hộ khá của Phường 11. Do tin tưởng vào bị cáo Quách Văn L2, không kiểm tra thực tế hồ sơ vay thật hay giả mà ký duyệt đồng ý cho vay chuyển lên Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá của Quận để duyệt cho vay. Khi được duyệt chuyển tiền về thì không kiểm tra việc giao nộp vào Quỹ, xuất tiền cho người vay mà giao cho Quách Văn L2 tự thực hiện, bị cáo đã ký duyệt 107 hồ sơ cho vay với số tiền là 3.049.000.000 đồng tạo điều kiện cho bị cáo L2 chiếm đoạt 2.890.638.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là đúng tội. Theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 2009 có khung hình phạt từ 03 năm đến 12 năm. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng là trên mức khởi điểm 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo điểm s Điều 51, gia đình bị cáo có công với cách mạng, từ năm 2003 đến năm 2007 bị cáo đều đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (có thành tích trong công tác nhưng án sơ thẩm chưa xem xét); bị cáo phạm tội gây thiệt hại ít hơn bị cáo L nhưng bị xử phạt nặng hơn bị cáo L là không hợp lý. Hơn nữa bị cáo bị bệnh Viêm gan siêu vi B mạn (B18.1), còn phải nuôi cha, mẹ và con còn nhỏ đang đi học. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử giảm 01 phần hình phạt cho bị cáo nhưng không cho bị cáo được hưởng án treo vì cần phải xử nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh L sau khi bị cáo T chuyển làm công tác khác thì bị cáo L lên thay vị trí của bị cáo T. Do quá tin tưởng Quách Văn L2, không kiểm tra, thẩm định hồ sơ khi xét duyệt cho vay, tin tưởng vào bị cáo L2 lập. Thời gian từ 14/4/2014 đến tháng 8/2015 bị cáo L ký duyệt 160 hồ sơ cho vay với số tiền là 4.640.000.000 đồng, tạo điều kiện cho bị cáo L2 chiếm đoạt là 4.500.171.000 đồng của Quỹ xóa đói giảm nghèo Quận 6. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2, Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo L2 phạm tội trong thời gian nêu trên là trong thời gian mang thai (sinh con vào ngày 04/9/2015) hơn nữa bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (Lupus ban đỏ), bị cáo là phụ nữ phạm tội trong

thời gian mang thai và sinh con, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại bị bệnh hiểm nghèo, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải phạt tù giam đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để trị bệnh, lo cho con còn nhỏ (02 con còn nhỏ) nên chấp nhận theo kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Phùng Thị L1: L1 là Phó ban kiêm thủ quỹ của Ban giảm nghèo - tăng hộ khá của Phường 11, Quận 6. Do tin tưởng bị cáo L2 nên khi rút tiền vay vốn được Ban xóa đói giảm nghèo Quận 6 duyệt giải ngân, sau khi rút bị cáo giao lại toàn bộ số tiền rút được cho bị cáo L2 để bị cáo L2 giao tiền cho các hộ vay thay cho bị cáo mà không trực tiếp phát tiền vay, kiểm tra việc phát tiền vay theo quy định, tạo điều kiện cho Quách Văn L2 lập 263 hồ sơ vay không, chiếm đoạt 7.329.809.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Phùng Thị L1 03 năm tù 06 tháng về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” như trên là có căn cứ, đúng pháp luật quy định. Bị cáo L1 kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm hôm nay bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài cấp sơ thẩm xem xét nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà Hồng Diễm C, cho rằng số tiền 478.000.000 đồng mà bị cáo L2 trả cho bà qua nhiều người nhận thay cho bà là tiền của gia đình bị cáo L2 trả chứ không phải tiền lấy từ tiền tham ô của Quỹ xóa đói giảm nghèo Quận 6.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồng Diễm C có nộp bản thống kê các lần mà phía bên bà C nhận tiền của bị cáo L2 trả theo sổ sách mà Luật sư cộng là 413.000.000 đồng có chứng từ; 50.000.000 đồng không có chứng từ và 50 đô la Úc. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồng Diễm C thống nhất với thừa nhận của bà C là có nhận số tiền 478.000.000 đồng do bị cáo L2 trả. Nhưng Luật sư cho rằng đây là tiền của gia đình bị cáo L2 trả cho bà C nhiều lần chứ không phải bị cáo L2 lấy từ tiền tham ô trả.

Đối với bị cáo Quách Văn L2 thì xác định số tiền 478.000.000 đồng trả cho bà C là lấy tiền tham ô trả.

Dựa vào lời khai của bị cáo L2, lời khai của bà Hồng Diễm C, giấy rút tiền từ ngân hàng phù hợp với thời gian mà bị cáo L2 trả tiền cho bà C, có cơ sở xác định số tiền 478.000.000 đồng mà bị cáo L2 trả cho bà C là bị cáo L2 lấy từ tiền tham ô của Quỹ XĐGN Quận 6. Tòa án sơ thẩm xử buộc bà C phải nộp lại số tiền trên để trả lại cho Quỹ XĐGN Quận 6 là có căn cứ, nên không chấp nhận

kháng cáo của bà C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C đề nghị.

Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát có phần phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Thị L.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh L.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 201.

Phạt bị cáo Trần Ngọc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, thời gian thử thách kể từ ngày 28/5/2020. Giao bị cáo cho UBND Phường 14, Quận 6 và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt chung của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

5. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồng Diễm C.

Buộc bà Hồng Diễm C phải nộp lại số tiền 478.000.000 đồng để trả lại cho Ban giảm nghèo - tăng hộ khá Quận 6 (nay là Ban giảm nghèo bền vững Quận 6).

Số tiền mà bà C nộp được trừ lại cho bị cáo L2 trong số tiền 5.950.253.000 đồng mà bị cáo L2 có trách nhiệm bồi thường cho Ban giảm nghèo bền vững Quận 6.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí:

Bị cáo Phùng Thị L1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Thị Thanh L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Hồng Diễm C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/5/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- TTG Chí Hòa-Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND Phường 10, 11, 12, 13, 14 Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Chánh Trung